

Số 74 - BC/HU

BÁO CÁO

Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) gắn với Chương trình hành động số 36-CTr/TU ngày 19/4/2017 của Tỉnh ủy trên địa bàn huyện Đam Rông

Thực hiện Chương trình hành động số 36-CTr/TU, ngày 19/4/2017 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “*Về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế*”, Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH PHỔ BIẾN, QUÁN TRIỆT, THỂ CHẾ HÓA NGHỊ QUYẾT

1. Tình hình phổ biến, quán triệt Nghị quyết

1.1. Tình hình phổ biến, quán triệt Nghị quyết

Ngay sau khi Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và Chương trình hành động số 36-CTr/TU, ngày 19/4/2017 của Tỉnh ủy được ban hành; Huyện ủy Đam Rông đã ban hành Chương trình hành động số 40-CTr/HU, ngày 22/6/2017 và tổ chức quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết đến các tổ chức cơ sở đảng, cơ quan, đơn vị cấp huyện và ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn huyện. Chỉ đạo Ban Tuyên giáo Huyện ủy chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện trong việc chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin đại chúng của huyện chú trọng, thường xuyên phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và Chương trình hành động số 36-CTr/TU, ngày 19/4/2017 của Tỉnh ủy, Chương trình hành động số 40-CTr/HU, ngày 22/6/2017 của Huyện ủy, sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, các doanh nghiệp, nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện hiểu và thực hiện.

1.2. Kết quả đạt được

Ban Thường vụ Huyện ủy đã nghiêm túc triển khai thực hiện việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và Chương trình hành động số 36-CTr/TU, ngày 19/4/2017 của Tỉnh ủy, đảm bảo kịp thời, đầy đủ và hiệu quả; bảo đảm hài hòa giữa phát triển

kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội; tăng trưởng theo hướng chú trọng, dựa vào các nhân tố thúc đẩy tăng năng suất lao động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của địa phương; cải thiện môi trường nhằm thúc đẩy đầu tư sản xuất, kinh doanh, cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

Kết quả thực hiện một số mục tiêu cụ thể:

- Tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 đạt 10.966 tỷ đồng (*nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 5.442 tỷ đồng, công nghiệp - xây dựng 1.820 tỷ đồng và thương mại dịch vụ 3.703 tỷ đồng*), tăng 108% so với năm 2016; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân đạt 12,1%/năm.

- Tổng thu ngân sách nhà nước tăng 0,7%. Trong đó, thuế phí tăng bình quân 14,4% (mục tiêu chương trình 14-15%). Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 4.561,6 tỷ đồng/3.947 tỷ đồng, bằng 115,6% mục tiêu chương trình đề ra.

- Tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm 6%/năm (mục tiêu chương trình 5-6%).

- Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt 30,1% (mục tiêu chương trình 30%). Giải quyết việc làm mới bình quân hàng năm cho 1.250 lao động (mục tiêu chương trình 1.000 đến 1.500 lao động).

- Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất với tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 20.338,8 ha; diện tích được tưới chủ động khoảng 17.288 ha, đạt tỷ lệ 85%; toàn huyện có 124,27 km kênh mương nội đồng, trong đó số kênh mương đã được đầu tư kiên cố hóa là 76,77 km; hệ thống nước sinh hoạt toàn huyện có 19 công trình nước sinh hoạt nông thôn, cơ bản đáp ứng được nhu cầu nước sinh hoạt cho bà con nhân dân trên địa bàn huyện.

- Hệ thống đường giao thông vận tải tiếp tục được đầu tư phát triển theo quy hoạch, đáp ứng tốt nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân. Đến nay, hệ thống đường giao thông của huyện có chiều dài 489,68 km đã được kiên cố hóa. Gồm đường trục xã là 168,95 km đã được kiên cố hóa 100%; đường trục thôn, liên thôn là 223,72 km kiên cố hóa đạt 57,74%; đường nội đồng 62,56 km đã kiên cố hóa đạt 17,27%; đường xóm 34,45 km.

1.3. Tồn tại, hạn chế

Một số chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước có lúc chưa được quán triệt kịp thời, đầy đủ và thực hiện chưa được nghiêm túc; nhất là đổi mới, hoàn thiện thể chế, trước hết là hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa được thực hiện một cách đồng bộ, chưa gắn kết chặt chẽ với quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, môi trường sinh thái, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết, Chương trình hành động ở các cấp cơ sở còn hạn chế, gặp nhiều khó khăn.

Việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động và các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất tại cơ sở còn chưa thường xuyên.

1.4 Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn gặp nhiều hạn chế do một số bộ phận nhân dân trình độ dân trí còn thấp, đặc biệt ở các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp hỗ trợ của Nhà nước, chưa mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất.

Hàng năm, Trung ương và tỉnh có nhiều chính sách ưu tiên đầu tư, hỗ trợ cho các huyện nghèo, xã nghèo, song nguồn vốn cấp hàng năm còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu. Cơ chế thực hiện còn nhiều bất cập, một số văn bản chỉ đạo còn chưa kịp thời gây khó khăn cho công tác triển khai tại địa phương.

Việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất của các Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh còn chậm, thiếu đồng bộ ảnh hưởng lớn đến tiến độ, hiệu quả triển khai thực hiện ở cơ sở.

2. Tình hình thể chế hóa Nghị quyết

Ban Thường vụ đã ban hành Chương trình hành động số 40-CTr/HU, ngày 22/6/2017 để cụ thể Nghị quyết, Chương trình hành động; thường xuyên rà soát, cập nhật, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật liên để áp dụng kịp thời khi có văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực thi hành; tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính.

Công bố, công khai minh bạch các cơ chế, chính sách của Nhà nước liên quan đến từng lĩnh vực, từng ngành nghề cụ thể trên các trang thông tin của huyện; tăng cường sự phối hợp giữa Ủy ban nhân dân huyện với các sở, ban ngành của tỉnh trong tất cả các lĩnh vực nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, bảo đảm tính kết nối, gia tăng liên kết vùng, khu vực; phát triển hệ thống phân phối, cung cấp dịch vụ lưu thông hàng hóa. Ưu tiên đầu tư và đa dạng hóa các loại hình thu hút vốn, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHỮNG NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao năng lực, hiệu quả điều hành kinh tế

Bằng nhiều hình thức tuyên truyền, tập huấn, tiếp cận thông tin trên Internet, báo đài về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, các doanh nghiệp và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn đã có những thay đổi về nhận thức; triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh; chỉ đạo các ngành, địa phương của huyện phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong điều hành và thực hiện đồng bộ, linh hoạt các chính sách để bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế của địa phương.

Công tác quản lý, điều hành ngân sách được thực hiện chặt chẽ, hiệu quả, tập trung quản lý, khai thác, nuôi dưỡng tốt các nguồn thu, đảm bảo việc thu, nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách Nhà nước, do đó hầu hết các năm, tổng thu ngân sách đều đạt dự toán tỉnh giao. Trong 05 năm, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 279.155,6 triệu đồng, tốc độ tăng thu bình quân thời kỳ đạt 0,7%, thuế phí đạt 14,4% (mục tiêu chương trình 14-15%). Trong đó: thu từ thuế, phí và lệ phí: 157.937 triệu đồng; thu từ đất và nhà: 78.611 triệu đồng; thu khác ngân sách: 38.877 triệu đồng; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 3.731 triệu đồng; thu quản lý qua ngân sách: 33.877 triệu đồng.

Chi ngân sách được quản lý chặt chẽ, hiệu quả, triệt để tiết kiệm trong chi ngân sách; hạn chế chi phát sinh ngoài dự toán. Công tác điều hành chi và quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của nhà nước thực hiện theo đúng quy định; chú trọng cân đối, đảm bảo chi đầu tư phát triển, an sinh xã hội và chi cho các hoạt động thường xuyên của bộ máy chính trị và đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác. Trong 05 năm, tổng chi ngân sách địa phương đạt 2.557.201 triệu đồng, trong đó chi đầu tư phát triển ước đạt 659.914 triệu đồng, chiếm 26%; chi thường xuyên ước đạt 1.687.835 triệu đồng, chiếm 66%, chi quản lý qua ngân sách chiếm 08%.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện ba khâu đột phá chiến lược gắn với 3 chương trình trọng tâm của huyện

- Ban Thường vụ Huyện ủy đã triển khai thực hiện chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh nhằm đổi mới quan hệ trong sản xuất nông nghiệp, phát triển và nâng cao hiệu quả của nền kinh tế tập thể, thu hút vốn đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, xác định nông nghiệp là ngành kinh tế chủ lực của huyện, tập trung chỉ đạo đầu tư phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực và có lợi thế; triển khai hiệu quả các đề án lớn: Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Đề án phát triển đàn bò thịt, Kế hoạch phát triển dâu tằm, Kế hoạch phát triển nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, quan tâm ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, đẩy mạnh hoạt động khuyến nông,

hỗ trợ chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi, nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả, khuyến khích phát triển nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, phát triển trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp (đã thành lập mới 02 tổ hợp tác và 9 hợp tác xã). Chú trọng công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi, do đó trong 05 năm qua tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp có mức tăng khá.

Tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp năm 2020 (*theo giá so sánh*) đạt 1.183.350,7 triệu đồng, tăng 157,7% so với năm 2015, tăng 4% so với tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 9,5%. Trong đó: ngành trồng trọt đạt 1.046.832,9 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 9,5%; ngành chăn nuôi đạt 115.664,7 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ là 10,8%; dịch vụ nông nghiệp đạt 20.853,1 triệu đồng.

- Tiếp tục phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại. Tập trung triển khai thực hiện Chương trình hành động số 32-CTr/HU, ngày 18/01/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy; trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đầu tư của các ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng kế hoạch và xác định danh mục dự án, nhu cầu vốn đầu tư theo từng năm, trung hạn 05 năm, theo đó tập trung chỉ đạo phát huy, lồng ghép các nguồn lực để đẩy mạnh đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt chú trọng những công trình mục tiêu trọng điểm phục vụ phát triển sản xuất, an sinh xã hội, đồng thời đảm bảo hoàn thành mục tiêu thực hiện Nghị quyết 30a và Chương trình nông thôn mới đã đề ra. Tổng vốn được bố trí từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước để đầu tư xây dựng các công trình trong 05 năm là 909.420 triệu đồng, đầu tư xây dựng 450 công trình, dự án; giá trị giải ngân thanh toán đã thực hiện là 882.398 triệu đồng, đạt 97,03% so với kế hoạch vốn phân bổ. Đến nay, nhiều công trình trọng điểm đã hoàn thành và phát huy hiệu quả, làm thay đổi rõ nét bộ mặt nông thôn. Tuy nhiên, vẫn còn một số công trình tiến độ thực hiện chậm do vốn đầu tư phân bổ dàn trải, chưa đúng kế hoạch đề ra.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng phát triển bền vững; phát triển nguồn nhân lực đảm bảo về số lượng và chất lượng, từng bước hình thành đội ngũ lao động chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển địa phương.

3. Ưu tiên phát triển và chuyển giao khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ, nhất là đối với lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo ngành nông nghiệp phối hợp với ủy ban nhân dân các xã, đơn vị liên quan tăng cường tuyên truyền vận động, hướng dẫn chăm sóc cây trồng gắn với việc xây dựng các mô hình sản xuất, điểm trình diễn, hội thảo đầu bờ nhằm nâng cao năng suất của các loại cây trồng chủ yếu như lúa, bắp, cà phê, cây ăn quả....Đồng thời,

chỉ đạo tăng cường công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực nông nghiệp và đầu tư nâng cấp, xây dựng các công trình thiết yếu phục vụ sản xuất. Qua đó đã mang lại những kết quả trong sản xuất. Hiện nay, toàn huyện có 17 ha sản xuất trong nhà kính, diện tích nông nghiệp sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP 98,5 ha), 10 ha sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Bên cạnh đó, nông nghiệp địa phương cũng đang tiếp cận dần đến sản xuất nông nghiệp thông minh. Hiện trên địa bàn huyện có 04 mô hình ứng dụng các thiết bị cảm biến kết nối Internet để điều khiển tự động trong quá trình sản xuất nông nghiệp (mô hình IoT) giúp ứng phó với biến đổi khí hậu, cải thiện vi khí hậu trong nhà kính (tại xã Đạ K'Nàng); có 09 chuỗi liên kết (dâu tằm 02 chuỗi, chuỗi Laba 02 chuỗi, sản xuất rau thương phẩm 02 chuỗi, sản xuất sầu riêng 01 chuỗi, sản xuất Mắc ca 01 chuỗi, nuôi cá tằm 01 chuỗi); 03 sản phẩm OCOP cấp tỉnh. Trong thời gian đến huyện sẽ tiếp tục phát triển thêm một số sản phẩm thế mạnh của huyện như: Dứa, Trà dây rừng, Trầm hương, Sầu riêng,...

- Công tác chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ được quan tâm chỉ đạo và xác định là nhiệm vụ quan trọng để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và thu nhập. Trong thời gian qua, ngành chuyên môn đã chủ động xây dựng kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân huyện đã bố trí 2,5 tỷ đồng đầu tư cho dự án ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp (*Mô hình nuôi chim trĩ, Dê Boer; dâu tằm, trồng cỏ nuôi bò (3 xã Đầm Ròn); sản xuất nông nghiệp công nghệ cao (xã Phi Liêng và Đạ K'Nàng)*). Nhiều dự án ứng dụng khoa học - công nghệ cho hiệu quả và năng suất cao đã tạo sự lan tỏa, tác động làm thay đổi, nâng cao kỹ năng sản xuất và được áp dụng tại nông hộ, góp phần đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

4. Tập trung phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách về giảm nghèo bền vững theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2016 - 2020; xác định công tác giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên trong công tác lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền trong thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Qua 05 năm triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ, hầu hết các chính sách hỗ trợ được triển khai có hiệu quả, tạo sự chuyển biến đáng kể về đời sống người dân nói chung và người nghèo nói riêng.

Trong giai đoạn từ 2016 - 2020, bằng nguồn vốn được bố trí từ Chương trình 30a là 209.599 triệu đồng, tập trung đầu tư xây dựng hoàn thiện 34 công trình trọng điểm, cấp thiết; đồng thời đa dạng hóa về hình thức hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển đổi một số cây trồng - vật nuôi theo quy hoạch các tiểu vùng kinh tế trọng điểm để đầu tư giảm nghèo; mở 19 lớp đào tạo nghề/419 học viên; tổ chức tư vấn, hỗ trợ xuất khẩu lao động được 116 người xuất khẩu các thị trường. Các đơn vị được Chính phủ phân công giúp huyện tiếp tục hỗ trợ 17 tỷ đồng đầu tư xây mới

và hoàn thiện 10 công trình trường học, nhà văn hóa, Nhờ các nguồn lực đầu tư đã làm thay đổi cơ bản diện mạo của huyện, đời sống kinh tế của nhiều hộ gia đình tiếp tục được cải thiện; nhận thức của đồng bào có sự chuyển biến mạnh mẽ, biết vận dụng các nguồn vốn hỗ trợ để vươn lên thoát nghèo. Kết quả giảm nghèo vượt mục tiêu đề ra, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 37,11% năm 2016 xuống còn khoảng 7% vào cuối năm 2020 (giảm 30,11%, bình quân mỗi năm giảm 6,02%), đạt mục tiêu Nghị quyết Đảng bộ huyện Đam Rông nhiệm kỳ III đề ra (giảm từ 5-6%/năm).

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 31-CTr/HU, ngày 18/01/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy *"Về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025"*. Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, phát huy lợi thế cạnh tranh, tăng trưởng nhanh và bền vững.

- Thực hiện nghiêm chủ trương của Chính phủ về việc ngừng khai thác rừng tự nhiên, Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng; các chương trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa các nguồn vốn để hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn. Chú trọng thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc.

Từ kết quả hỗ trợ, đầu tư của các chương trình, dự án: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Chương trình 30a, Chương trình 135) và Chương trình xây dựng Nông thôn mới đã giúp cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số của huyện, nhất là hộ nghèo, cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện về tư liệu sản xuất, được tập huấn nâng cao kiến thức về khoa học - kỹ thuật, được đào tạo các loại ngành, nghề nông thôn,... Từ đó đã giúp cho người dân có nhiều cơ hội, sinh kế làm ăn. Đến nay, có nhiều hộ biết vận dụng các nguồn vốn hỗ trợ, biết tích lũy cho đầu tư, nhờ đó nhiều hộ gia đình đã vươn lên thoát nghèo, góp phần tích cực vào nhiệm vụ giảm nghèo của địa phương.

5. Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực, gắn kết chặt chẽ giữa cơ cấu lại nền kinh tế với cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực trọng tâm

Cơ cấu cây trồng tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tập trung đầu tư phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn như: chuyên canh cây lương thực, trồng dâu nuôi tằm tại 03 xã Đầm Ròn; chuyên canh sản xuất cà phê, nông nghiệp công nghệ cao tại xã Phi Liêng, Đạ Knang; chuyên canh cà phê, cây ăn quả, rau tại xã Đạ Rsal, Liêng Srôn, Rô Men. Ngành chăn nuôi đã từng bước phát triển theo hướng chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, gia trại, phát triển đàn đại gia súc gắn với phát triển đồng cỏ, đặc biệt là bò thịt. Đồng thời thử nghiệm nuôi một số loại thủy sản như cá Tầm, bước đầu mang lại giá trị kinh tế cao. Đến nay, đã có nhiều mô hình kinh tế hộ gia đình, kinh

tế trang trại cho năng suất, chất lượng, thu nhập cao, đặc biệt là mô hình nông nghiệp áp dụng công nghệ cao cho thu nhập vượt trội (từ 700 - 1.200 triệu đồng/ha/năm). Giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích tăng từ 78,9 triệu đồng/ha năm 2015 lên 86,3 triệu đồng/ha năm 2020.

6. Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh

Gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân. Giữ vững ổn định chính trị trong mọi tình huống, không để bị động, bất ngờ, phát huy sức mạnh tổng hợp, chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, gây bạo loạn lật đổ, chống phá của các thế lực thù địch, bọn phản động, cơ hội chính trị, cực đoan, chống đối, đặc biệt trong các dịp lễ, Tết và sự kiện trọng của đất nước, của tỉnh, huyện. Triển khai hiệu quả phương án chủ động đối phó, xử lý đúng đắn, kịp thời, hiệu quả các tình huống kích động, gây rối an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đặc, biệt đối với một số đối tượng di dân tự do, kích động một số hộ đồng bào dân tộc tại chỗ đòi về làng cũ,... Giữ vững ổn định, bảo đảm môi trường đầu tư, các hoạt động sản xuất - kinh doanh, sinh hoạt của nhân dân. Chủ động và phối hợp ngành liên quan tập trung giải quyết dứt điểm nhiều đơn thư khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật trong các tầng lớp nhân dân; tăng cường đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, kiểm chế tai nạn giao thông.

7. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, thu gọn đầu mối, giảm cấp phó, cấp trung gian theo tinh thần Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII), gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Đề án vị trí việc làm đã đạt kết quả cụ thể, thẩm quyền, trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu được xác định rõ hơn.

+ Về tổ chức bộ máy: Số lượng cơ quan chuyên môn trực thuộc huyện gồm 13 đơn vị, không tăng so với thời điểm năm 2016. Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng Đề án trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải thể Phòng Y tế huyện; Các Ban của Hội đồng nhân dân huyện gồm 03 ban (*Ban Kinh tế - Xã hội, Ban Pháp chế, Ban Dân tộc*), tăng với thời điểm năm 2016 do thành lập mới theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Đơn vị trực thuộc huyện gồm 38 đơn vị, trong đó 32 đơn vị sự nghiệp giáo dục; 01 đơn vị thuộc lĩnh vực văn hóa, thông tin; 01 đơn vị thuộc lĩnh vực dạy nghề và 04 đơn vị sự nghiệp khác, giảm 03 đơn vị so

với thời điểm năm 2016.

+ Về tình hình biên chế: Biên chế các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2021 là 56 người, giảm so với năm 2016 là 12 người (tỷ lệ 17,6%). Biên chế các cơ quan của Nhà nước (*biên chế hành chính*) tổng số biên chế được giao năm 2021 là 92 người, giảm so với năm 2016 là 08 người (tỷ lệ 0,8%). Số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021 là 1.080 người, giảm so với năm 2016 là 52 người, (tỷ lệ 4,6%), cán bộ cấp xã hiện có 83 người, giảm 11 người (tỷ lệ 11,7%), công chức cấp xã hiện có 85 người, giảm 11 người (tỷ lệ 11,5%), số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện có 78 người, giảm 79 người (tỷ lệ 50,6%), số người hoạt động không chuyên trách ở thôn hiện có 123 người, giảm 33 người (tỷ lệ 21,2%).

- Quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ, hầu hết cán bộ được đào tạo, luân chuyển, bổ nhiệm đều phát huy năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ, việc bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo đúng thẩm quyền, chú trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới. Tích cực đẩy mạnh thực hiện kiêm nhiệm đối với một số chức danh của cán bộ, công chức từ cấp huyện đến cấp xã, nhất là kiêm nhiệm đối với các chức danh cán bộ không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, cụ thể:

+ Đối với cấp huyện: Đã thực hiện mô hình Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện; Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy kiêm Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện và Kế toán Huyện ủy kiêm Kế toán Trung tâm Chính trị huyện. Ủy ban nhân dân huyện bố trí, sắp xếp tinh gọn lại bộ phận kế toán tại các phòng ban: từ 12 công chức làm công tác kế toán năm 2016 đến nay chỉ còn 06 công chức làm công tác kế toán (giảm 06 công chức).

+ Đối với cấp xã: Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tinh giản đội ngũ cán bộ không chuyên trách cấp xã bằng các biện pháp cụ thể như: Phó Bí thư Đảng ủy xã kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã (8/8 xã thực hiện); Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã kiêm trưởng hoặc phó một trong năm phó các đoàn thể còn lại (4/8 xã thực hiện); Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã kiêm Trưởng Ban Tổ chức xã, Trưởng Ban Tuyên giáo, Quản lý Nhà văn hóa... (4/8 xã thực hiện); Phó Bí thư đoàn Thanh niên kiêm Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã kiêm Chủ tịch Hội người cao tuổi; Cán bộ Tổ chức kiêm Tuyên giáo hoặc Văn phòng Đảng ủy kiêm Tổ chức, Tuyên giáo.... Theo đó đã giảm được 79 người hoạt động không chuyên trách cấp xã so với năm 2016.

+ Đối với cấp thôn, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo thực hiện mạnh mẽ chủ trương Bí thư chi bộ thôn kiêm Trưởng thôn hoặc Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn (đến nay có 36/53 thôn thực hiện), theo đó đã giảm được 33 người hoạt động không chuyên trách cấp thôn so với năm 2016.

+ Tiếp tục duy trì, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả mô hình Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Hiện nay, huyện Đam Rông đã bố trí được 06/08 xã đồng chí Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, 02/08 xã đồng chí Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, hiểu biết của cán bộ, đảng viên và nhân dân về Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ 4.0, khuyến khích áp dụng khoa học, công nghệ vào quản lý Nhà nước, sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đời sống, quan tâm đầu tư vốn, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ thông tin vào công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ.

- Tập trung ưu tiên áp dụng một số ngành khoa học có tác động mạnh đến phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện của huyện. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực để tạo ra sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao.

III. Đánh giá tổng quát

1. Ưu điểm

Qua 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) gắn với Chương trình hành động số 36-CTr/TU, ngày 19/4/2017 của Tỉnh ủy trên địa bàn huyện Đam Rông, tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với tinh thần chủ động và nỗ lực quyết tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của Ban Thường vụ Huyện ủy, chính quyền và nhân dân địa phương đã đạt được những kết quả khả quan trong triển khai thực hiện một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, các ngành sản xuất chủ yếu có mức tăng trưởng khá. Công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới được tích cực thực hiện và đạt được kết quả đáng khích lệ; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội tiếp tục được đầu tư đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế, dân sinh. Đến năm hết năm 2020, các mục tiêu chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình hành động số 40-CTr/HU, ngày 22/6/2017 của Huyện ủy Đam Rông cơ bản hoàn thành, góp phần đưa huyện Đam Rông cơ bản thoát khỏi huyện nghèo, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện nhiệm vụ trong những năm tiếp theo.

- Tốc độ phát triển của nền kinh tế tăng khá nhanh, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng định hướng. Các chỉ tiêu kinh tế quan trọng đều đạt và vượt kế hoạch, nền kinh tế tiếp tục phát triển theo hướng ổn định và bền vững hơn qua từng năm. Trên lĩnh vực nông nghiệp đã hình thành được các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn, các hình thức sản xuất trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp được quan tâm phát triển. Đến nay đã xuất hiện nhiều mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao, là hạt nhân để nhân rộng và lan tỏa trong thời gian tới, kết cấu hạ tầng tiếp tục được quy hoạch, xây dựng và nâng cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế, phục vụ tốt nhu cầu dân sinh tại địa phương; thu ngân sách hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch giao; ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ có mức tăng trưởng khá; công tác điều hành, quản lý thu chi ngân sách đảm bảo chặt chẽ và phát huy hiệu quả. Chương trình 30a, Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai hiệu quả, tạo chuyển biến trong phát triển kinh tế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

2. Những hạn chế, yếu kém

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những mặt tồn tại, hạn chế, yếu kém nhất định, đó là:

- Kinh tế tuy có bước phát triển nhanh nhưng chưa thực sự tương xứng với nguồn lực đầu tư, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chưa rõ nét. Cơ sở hạ tầng tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, một số công trình tiến độ thực hiện chậm và chưa hoàn thành theo kế hoạch dự kiến nên chưa thực sự tạo ra đột phá, tăng tốc để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

- Triển khai thực hiện các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp đã có sự tập trung nhưng vẫn còn lúng túng trong khâu tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; chưa có doanh nghiệp đầu tư nhà máy sơ chế, chế biến bảo quản nông sản chủ lực, do đó chưa tạo động lực cho nông nghiệp phát triển. Các mô hình hiệu quả chậm được nhân rộng, thiếu sức lan tỏa trong nhân dân; kinh tế tập thể, tổ hợp hoạt động chưa hiệu quả. Công nghiệp - xây dựng; thương mại - dịch vụ phát triển nhanh nhưng quy mô còn nhỏ, sức cạnh tranh và mức đóng góp vào nền kinh tế thấp; việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn còn hạn chế.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh qua từng năm, nhưng tính bền vững chưa cao, có nguy cơ tái nghèo, nhất là đối với các hộ đồng bào dân tộc, chất lượng nguồn nhân lực tuy đã được cải thiện, nhưng vẫn có sự chênh lệch lớn so với địa bàn trong tỉnh, do đó chưa đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trong cũng như ngoài huyện và thị trường lao động nước ngoài.

3. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

- Trong quá trình chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII), gắn với Chương trình hành động số 36-CTr/TU, ngày 19/4/2017 của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã vận dụng sáng tạo, có hiệu quả các chủ trương, chính sách để đề ra các chương trình, quyết định phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm, sát với thực tế và chỉ đạo thực hiện đạt kết quả tốt.

- Sự đoàn kết, nhất trí cao trong Ban Thường vụ, Ban chấp hành Đảng bộ huyện, đến các cấp ủy, chính quyền từ huyện đến xã; sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành năng động và thống nhất có hiệu quả của cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng với sự tham gia của Mặt trận và các đoàn thể từ huyện đến xã, tạo nên sức mạnh tổng hợp từ khâu triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tổ chức bộ máy được củng cố, đội ngũ cán bộ có nhiều tiến bộ về phẩm chất chính trị, kiến thức, năng lực và ý thức trách nhiệm, từng bước được chuyên môn hóa, nhiều cán bộ có bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân.

- Các tầng lớp nhân dân đồng thuận, tích cực sản xuất kinh doanh, vượt qua khó khăn, quyết tâm vươn lên thoát nghèo và làm giàu chính đáng, đã góp phần không nhỏ vào những kết quả, thành tựu đã đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua.

- Việc triển khai các chương trình trọng tâm, công trình trọng điểm đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi diện mạo của huyện một cách toàn diện và sâu sắc.

4. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

**** Nguyên nhân khách quan***

- Đam Rông là huyện có xuất phát điểm về kinh tế thấp, xa các trung tâm kinh tế lớn của tỉnh và các thành phố lân cận. Nguồn lực đầu tư chủ yếu phục thuộc vào Ngân sách Trung ương, của tỉnh, mặt khác việc huy động các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách để phát triển kết cấu hạ tầng gặp nhiều khó khăn, tiến độ đầu tư các công trình theo quy hoạch chậm do thiếu vốn và không được bố trí theo đúng phân kỳ đầu tư nên chưa thực sự thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển.

- Giai đoạn 2015 - 2020, do tình hình biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp, tình hình thiên tai, dịch bệnh, giá cả một số nông sản chủ lực của huyện, đặc biệt là cà phê giảm sâu, kéo dài đã ảnh hưởng không nhỏ trong quá trình triển khai thực hiện một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình

tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực chưa hiệu quả, hiệu lực chưa cao, khả năng phân tích, dự báo tình hình chưa theo kịp sự phát triển, việc triển khai thực hiện một số lĩnh vực còn lúng túng, sự phối hợp giữa chính quyền một số địa phương, lãnh đạo một số phòng ban, đơn vị trong điều hành, xử lý công việc chưa sâu sát, đồng bộ, chặt chẽ.

- Việc thực hiện, cụ thể hóa một số chủ trương lớn còn hạn chế, nhiều trường hợp chậm, chất lượng thấp, tính khả thi chưa cao. Chưa làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện và sơ kết, tổng kết thực tiễn. Chưa thay thế được kịp thời những cán bộ không đủ phẩm chất, năng lực, thiếu trách nhiệm, thực thi kém hiệu quả trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Lãnh đạo một số phòng ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã còn thiếu chủ động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, chưa kịp thời xử lý những vấn đề vướng mắc phát sinh từ cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện, còn trông chờ sự chỉ đạo từ cấp trên; trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức viên chức ở một số lĩnh vực, cơ sở chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ, nhiều cán bộ công chức chưa thực sự dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm trước công việc được giao.

5. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) “Về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế” gắn với Chương trình hành động số 36-CTr/TU, ngày 19/4/2017 của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ như sau:

Thứ nhất, trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phải luôn bám sát các chủ trương, quan điểm, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, trong chỉ đạo phải nhất quán, kiên quyết, đồng thời phải dự báo đúng diễn biến tình hình để chủ động, sáng tạo, vận dụng linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong thực thi nhiệm vụ, làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện và sơ kết, tổng kết thực tiễn.

Thứ hai, công tác dân vận chính quyền, tuyên truyền, vận động nhân dân phải được đặc biệt quan tâm và triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc, có tính tập trung cao nhằm đưa các quan điểm, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng thực

sự đi vào cuộc sống. Phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất và quyền làm chủ của nhân dân trong tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Những vướng mắc, nổi cộm, bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân phải được khắc phục kịp thời, giải quyết một cách khách quan, thấu tình, đạt lý.

Thứ ba, cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp phải gương mẫu trong thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tận tâm, tận lực, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong thực thi công vụ; thay thế được kịp thời những cán bộ không đủ phẩm chất, năng lực, thiếu trách nhiệm trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Thứ tư, ưu tiên tổ chức thực hiện một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế mà Nghị quyết Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), Chương trình hành động số 36-CTr/TU, ngày 19/4/2017 của Tỉnh ủy và Chương trình hành động số 40-CTr/HU, ngày 22/6/2017 của Huyện ủy đã đề ra với quyết tâm cao, trong chỉ đạo phải luôn quan tâm đến chất lượng, hiệu quả tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong xã hội, tạo đà cho kinh tế phát triển và ổn định.

IV. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Quan điểm

- Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng để nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, phát triển nhanh và bền vững toàn diện cả về kinh tế - xã hội và môi trường. Bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội.

- Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chú trọng và dựa vào các nhân tố thúc đẩy tăng năng suất lao động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng lợi thế của địa phương.

- Cải thiện môi trường nhằm thúc đẩy đầu tư sản xuất, kinh doanh; tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; triển khai ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu trong thời gian tới

- Tốc độ phát triển sản xuất theo giá so sánh đạt 10,1%, trong đó: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 9,5%; tiểu thủ công nghiệp - xây dựng 13,1%, thương mại - dịch vụ 12,8%.

- Cơ cấu kinh tế: Ngành nông - lâm nghiệp - thủy sản 45 - 47%; công nghiệp - xây dựng 15 - 16%; dịch vụ 38 - 40%.

- Tổng thu ngân sách Nhà nước tăng bình quân hàng năm 14,5 - 15%.

- Tổng mức đầu tư toàn xã hội đạt 9.123 tỷ đồng.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 3%.

- Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề đạt 35%.

- Giải quyết việc làm mới hàng năm cho từ 1000 - 1500 lao động.

3. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

3.1. Khai thác tối đa lợi thế địa phương, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế trên các lĩnh vực, tiếp tục tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, từng bước tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch trong cơ cấu ngành kinh tế.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/HU, ngày 10/7/2019 của Huyện ủy “*Về sản xuất nông nghiệp toàn diện, bền vững, từng bước ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 và những năm tiếp theo trên địa bàn huyện Đam Rông*”. Nhân rộng các mô hình, gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với xu hướng của biến đổi khí hậu, trình độ canh tác của người dân, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thu nhập trên đơn vị canh tác, khuyến khích phát triển kinh tế mô hình hợp tác xã, từng bước hình thành liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất nông, lâm nghiệp, phấn đấu đến năm 2025 giá trị sản phẩm thu được trên một đơn vị diện tích đạt 165 triệu đồng/ha/năm. Gắn kết chặt chẽ sản xuất nông nghiệp với chế biến và tiêu thụ, quảng bá phát triển thương hiệu nông sản Đam Rông.

- Đẩy mạnh xã hội hoá, nâng cao chất lượng, hiệu quả các loại hình dịch vụ phục vụ nông nghiệp. Thực hiện tích tụ ruộng đất tự nhiên phù hợp thông qua liên kết sản xuất, tăng cường hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ kỹ thuật khác ở nông thôn. Phát triển đàn gia súc, gia cầm, nuôi cá nước lạnh, chăn nuôi tầm, gắn kết chăn nuôi với trồng trọt để từng bước sản xuất đáp ứng theo tiêu chuẩn VietGAP, tiêu chuẩn hữu cơ và hướng đến sản xuất nông nghiệp sạch, bền vững. Đến năm 2025, diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt từ 08 - 10%; chăn nuôi chiếm trên 21% giá trị trong cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, gắn với giảm nghèo bền vững; phát huy hơn nữa chủ thể của người nông dân và cộng đồng dân cư, sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn

mới nâng cao; củng cố và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, tập trung các nguồn lực hoàn thành các tiêu chí về thu nhập, hộ nghèo, nhà ở dân cư; đến năm 2025 đạt huyện nông thôn mới.

- Thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất xây dựng, mở rộng các cơ sở sản xuất, kinh doanh, thu hút lao động địa phương. Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, các ngành nghề truyền thống địa phương có thể mạnh. Phân đầu giá trị ngành công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 13,1%/năm.

- Đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch. Đa dạng hóa các loại hình thương mại, tiêu thụ và cung ứng vật tư, hàng hóa. Đầu tư phát triển cơ sở kinh doanh, thương mại Bằng Lăng và một số khu vực có lợi thế. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng bình quân 12,8%/năm.

- Phát triển kinh tế tư nhân trên tất cả các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhất là trong lĩnh vực sản xuất; tiếp tục đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp; tăng cường liên kết, hỗ trợ các hộ phát triển kinh tế gia đình.

- Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế, nâng cao hiệu quả đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời, tranh thủ nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách, như: các tổ chức tín dụng, lĩnh vực thương mại, dịch vụ, giáo dục....Ưu tiên tập trung nguồn lực xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng trung tâm Bằng Lăng, xã Đa Rsal đạt các tiêu chí của đô thị loại V.

- Tiếp tục xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương. Ưu tiên xây dựng các công trình cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất và đời sống nhân dân. Chủ động đề xuất đầu tư nâng cấp Quốc lộ 27 đoạn qua địa bàn huyện, tuyến đường xã Đa Tông, huyện Đam Rông đi xã Đưng K'Nóh, huyện Lạc Dương (*đường Trường Sơn Đông*), cơ bản hoàn thiện các tuyến giao thông đối ngoại đi qua huyện.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát trong đầu tư xây dựng cơ bản của các cơ quan quản lý Nhà nước, phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với các công trình xây dựng trên địa bàn.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả định hướng phát triển kinh tế vùng, theo hướng khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, trình độ canh tác của người dân để lựa chọn mô hình sản xuất phù hợp. Đồng thời, tăng cường liên kết hỗ trợ giữa các tiểu vùng trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

3.2. Tiếp tục ưu tiên công tác giảm nghèo bền vững, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, thói quen trong canh tác thông qua các mô hình, các gương sản xuất giỏi, hiệu quả trong vùng đồng bào dân

tộc thiểu số, tạo sự lôi cuốn, kích thích, hình thành các phong trào trong nhân dân thi đua tích cực lao động sản xuất, tiết kiệm trong sinh hoạt, sớm vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Thực hiện đồng bộ các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực giảm nghèo, tiếp tục đầu tư, hỗ trợ để các hộ nghèo, cận nghèo thoát nghèo bền vững, không tái nghèo và từng bước làm giàu.

- Ưu tiên đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho các xã, khu vực khó khăn để thúc đẩy phát triển kinh tế. Nghiên cứu chuyển đổi giống vật nuôi, cây trồng phù hợp với điều kiện, trình độ canh tác của đồng bào.

- Tập trung xây dựng, chuyển giao, nhân rộng các mô hình sản xuất phát triển kinh tế hiệu quả cho đồng bào dân tộc thiểu số. Giải quyết tốt các vấn đề “*di dân tự do*”, dân về “*làng cũ*”, thiếu đất ở, đất sản xuất... Tiếp tục triển khai tốt hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế - văn hóa xã hội 03 xã Đạ Long, Đạ Tông, Đạ M’Rông.

- Chú trọng bảo tồn, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa của các dân tộc Tây Nguyên theo hướng quy hoạch khôi phục các nghề truyền thống phù hợp với tập quán văn hóa đặc trưng của từng dân tộc trên địa bàn.

3.3 Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và khoa học - công nghệ

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện hiệu quả yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo tại địa phương. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục con người phát triển toàn diện về kiến thức phổ thông, giáo dục lý tưởng, đạo đức, tình yêu gia đình, yêu quê hương và ý thức vươn lên trong cuộc sống.

- Sử dụng hợp lý, ưu tiên nguồn đầu tư của ngân sách Nhà nước cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Đổi mới công tác dạy nghề, ưu tiên phát triển một số ngành, nghề phù hợp với tình hình địa phương, gắn với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động, phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề đạt trên 35%.

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, hiểu biết của cán bộ, đảng viên và nhân dân về Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ 4.0, khuyến khích áp dụng khoa học, công nghệ vào quản lý Nhà nước, sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đời sống, quan tâm đầu tư vốn, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ thông tin vào công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ.

- Tập trung ưu tiên áp dụng một số ngành khoa học có tác động mạnh đến phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện của huyện. Thực hiện tốt cơ chế,

chính sách thu hút nguồn nhân lực để tạo ra sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao.

3.4. Tăng thu ngân sách và quản lý điều hành ngân sách

- Thực hiện tốt các giải pháp để tăng thu ngân sách, phát triển và nuôi dưỡng nguồn thu. Quản lý và điều hành ngân sách đúng dự toán, hiệu quả, tiết kiệm. Tiếp tục phân cấp quản lý, điều hành thu, chi ngân sách ở địa phương bảo đảm công khai, giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển và cho an sinh, phúc lợi xã hội, mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng, tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận các nguồn vốn vay để đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh.

- Phân đầu thực hiện đạt và vượt dự toán thu ngân sách tỉnh giao hàng năm; quản lý chặt chẽ và khai thác triệt để các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời và chống thất thu; đồng thời tăng cường nuôi dưỡng nguồn thu nhằm tạo số thu bền vững cho địa phương, phân đầu tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 14,5-15%/năm.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) gắn với Chương trình hành động số 36-CTr/TU, ngày 19/4/2017 của Tỉnh ủy trên địa bàn huyện.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- HĐND, UBND huyện,
- Các ban và Văn phòng Huyện ủy,
- Các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện,
- Các TCCSĐ trực thuộc Huyện ủy,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu VP Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Đa Cắt K' Hương